

The background of the image features a large, faint, golden-yellow circular seal. This seal is the official emblem of the Ministry of Agriculture and Rural Development of Vietnam. It contains a central five-pointed star, surrounded by concentric rings of agricultural symbols such as rice stalks, a water buffalo, and a fish. The outermost ring of the seal contains the text 'CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM' at the top and 'BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN' at the bottom.

SỞ CÔNG THƯƠNG GIA LAI

Chuyên đề
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
CÔNG TÁC KHUYẾN CÔNG

Quá trình hình thành hoạt động khuyến công

- Nghị quyết của BCH TW Đảng về CNH, HĐH đất nước.
- Nghị quyết của BCH TW Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
- Nghị định của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.
- Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.



VB QPPL KHUYẾN CÔNG

Trung ương

01

NĐ 45/2012/CP về khuyến công

02

TT 46/2012/BCT;
TT 20/2017/BCT hướng dẫn

03

TT 36/2013/BCT về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí KCQG; Sửa đổi, bổ sung tại **TT 17/2018/BCT**

04

TT 28/2018/BTC hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; sửa đổi, bổ sung tại **TT 64/2024/BTC**

Địa phương

01

NQ 36/2024/HĐND Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

02

QĐ 08/2020/UBND Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương.

Chính sách khuyến công

Là các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (gọi chung là hoạt động khuyến công). “*Theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ*”

Chương trình khuyến công

Là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công trong từng giai đoạn (thường là 05 năm) được Bộ Công Thương (đối với khuyến công quốc gia) và Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt (đối với khuyến công địa phương) nhằm khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động ở các địa phương.

Ví dụ: Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021 - 2025

Chương trình khuyến công tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025

Kế hoạch khuyến công

Là tập hợp các đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công từng giai đoạn.

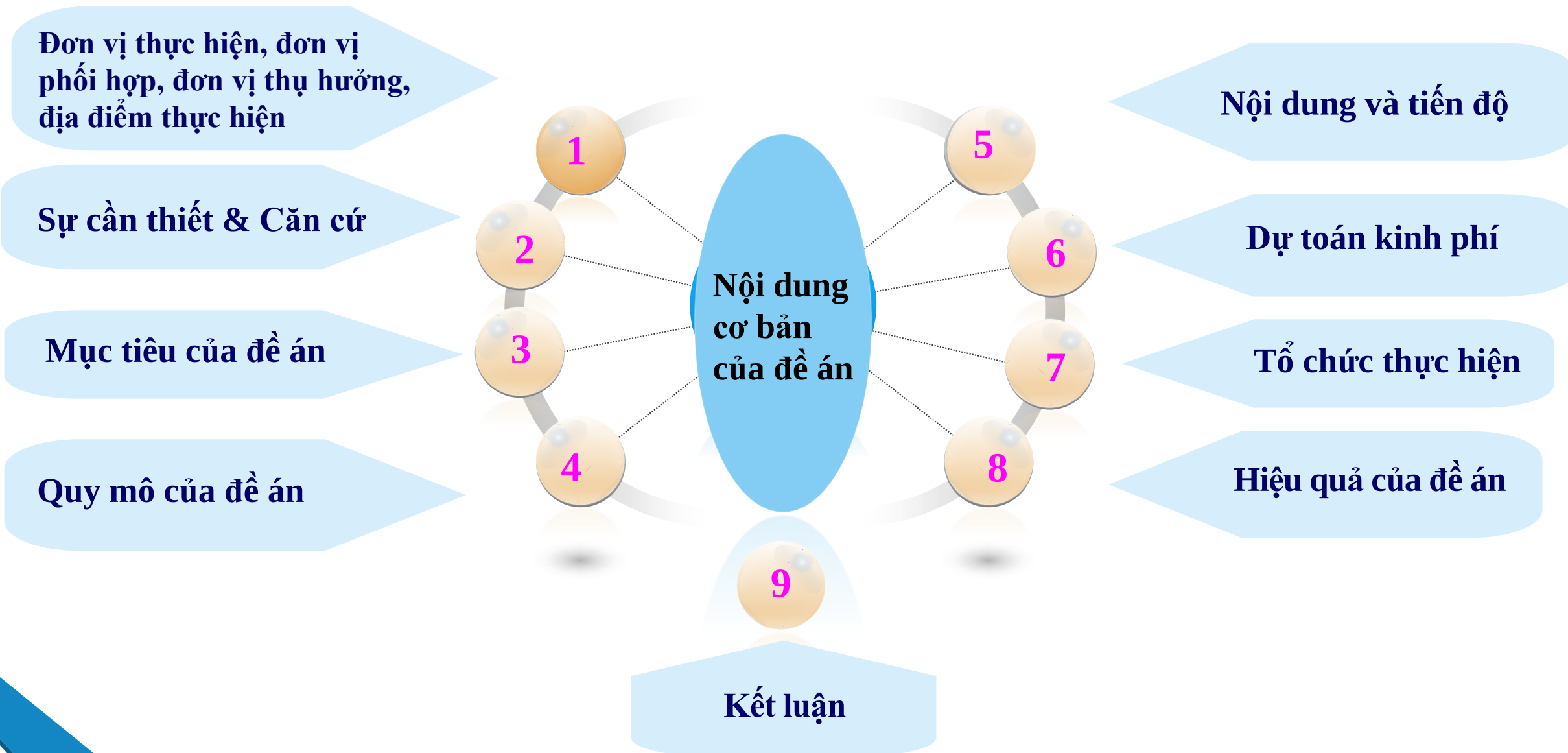
- ❖ Kế hoạch khuyến công quốc gia do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt
- ❖ Kế hoạch khuyến công địa phương sử dụng từ nguồn ngân sách cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Ví dụ: Kế hoạch khuyến công quốc gia năm 2025. Kế hoạch khuyến công địa phương năm 2025.

Đề án khuyến công

- Là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động khuyến công theo quy định.
- Đề án khuyến công có **mục tiêu, nội dung và đối tượng thụ hưởng, có thời gian, địa điểm thực hiện và kinh phí xác định.**

Nội dung cơ bản của đề án khuyến công



Phương hướng hoạt động khuyến công

1

Phát triển hoạt động KC gắn với quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, cơ cấu lại nền KT và chuyển dịch cơ cấu LĐ, chú trọng các xã XD NTM nâng cao và địa bàn vùng khó khăn (NQ 29)

2

Thực hiện “Đổi mới công tác khuyến công theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp; theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số” (NQ 19)

3

Khuyến khích PT CN xanh; SXSH, thân thiện MT, mô hình liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời SP nhằm khai thác hợp lý và giảm tổn thất tài nguyên; BVMT và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

4

Hỗ trợ có **trọng tâm trọng điểm** vào SP chủ lực, tiềm năng, lợi thế của vùng, ĐP. Tập trung hỗ trợ XD và nhân rộng các mô hình TDKT, ứng dụng MMTB; **phát triển SP CNNT tiêu biểu, OCOP, LN gắn với du lịch, văn hóa.**

5

Tăng cường liên kết các tỉnh, TP trong vùng và giữa các vùng để phát huy được thế mạnh của mỗi ĐP, đồng thời liên kết khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế của cả vùng trong PT ngành và hoạt động KC.



QUY ĐỊNH CHUNG

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG



Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo **Luật Doanh nghiệp** (xác định tiêu chí doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại **NĐ 80/2021/CP**)

Hợp tác xã thành lập và hoạt động theo **Luật Hợp tác xã** năm 2023. Tổ hợp tác thành lập và hoạt động theo **NĐ 77/2019/CP**

Hộ kinh doanh theo quy định **NĐ 01/2021/CP**

Các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn **không giới hạn** về quy mô tổng nguồn vốn hoặc số lao động bình quân hàng năm và địa bàn đầu tư sản xuất

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tiêu chí DNNVV trong lĩnh vực công nghiệp	Số lao động tham gia BHXH bình quân năm	Doanh thu và nguồn vốn của năm	Khác
DN siêu nhỏ	Không quá 10 người	Doanh thu không quá 3 tỷ đồng hoặc nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng	
DN nhỏ	Không quá 100 người	Doanh thu không quá 50 tỷ đồng hoặc nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng	Không phải là DN siêu nhỏ
DN vừa	Không quá 200 người	Doanh thu không quá 200 tỷ đồng hoặc nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng	Không phải là DN siêu nhỏ, DN nhỏ

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN CÔNG

1

Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.

2

Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu

3

Công nghiệp hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng.

- Sản xuất vật liệu xây dựng: không hỗ trợ các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung sử dụng công nghệ nung bằng lò thủ công cải tiến, lò vòng gây ô nhiễm môi trường; tập trung hỗ trợ các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng theo công nghệ mới (vật liệu không nung), không ô nhiễm môi trường, sử dụng nguyên liệu tái tạo.

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN CÔNG

4

Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.

5

Sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp

6

Khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

7

Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

Nguyên tắc ưu tiên

```
graph TD; A[Nguyên tắc ưu tiên] --> B[Địa bàn ưu tiên]; A --> C[Ngành nghề ưu tiên];
```

Địa bàn ưu tiên

Ngành nghề ưu tiên



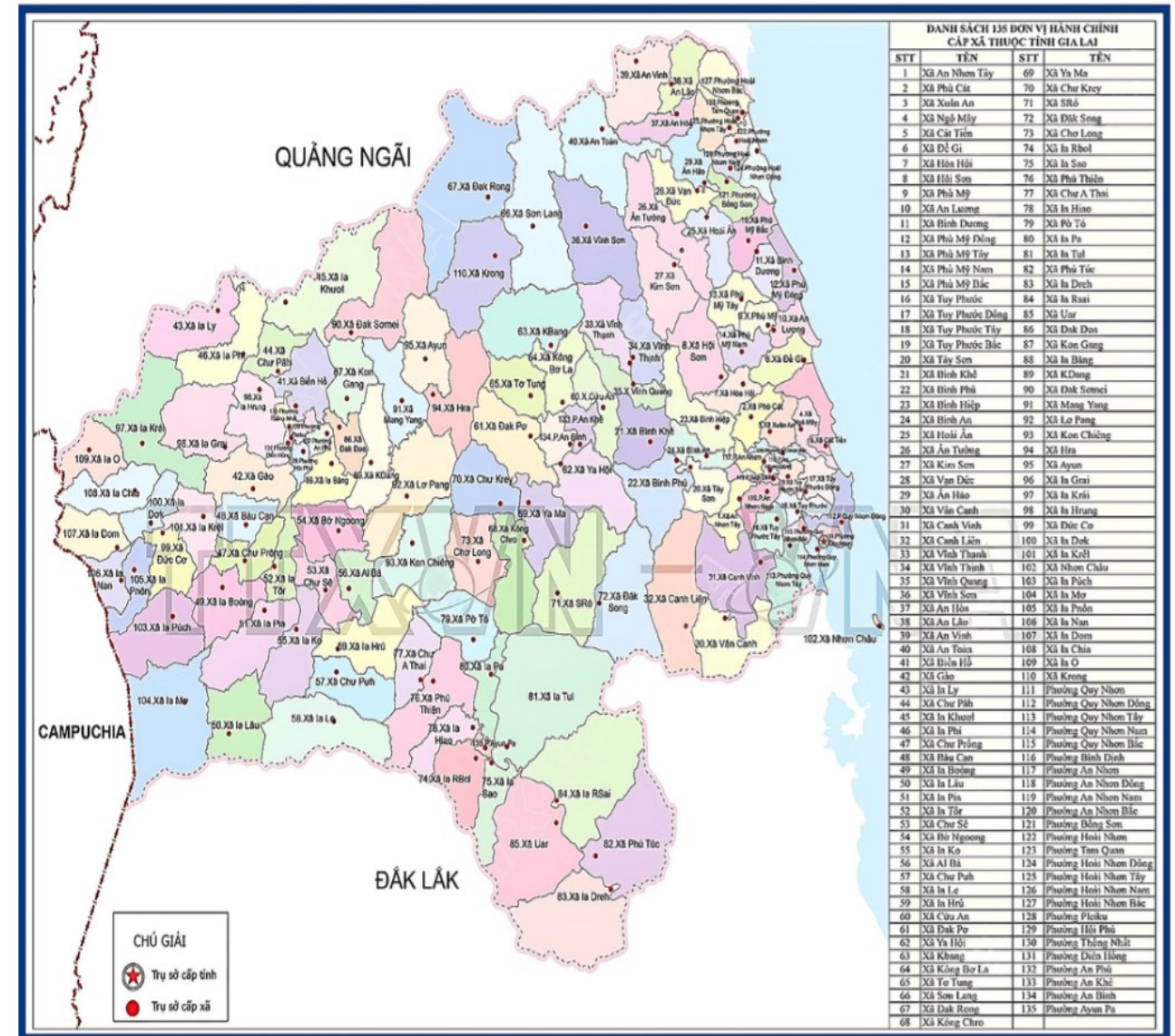
Đối với hoạt động sản xuất sạch sạch hơn không quy định thứ tự ưu tiên về địa bàn và ngành nghề mà chỉ ưu tiên xét trên hiệu quả và sự cấp thiết của đề án

ĐỊA BÀN ƯU TIÊN

Vùng đồng bào dân
tộc thiểu số

Địa bàn các xã
trong kế hoạch thực
hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia
xây dựng NTM.

Địa bàn có điều
kiện kinh tế - xã hội
khó khăn và đặc
biệt khó khăn



Ngành nghề ưu tiên

1

Sản xuất sản phẩm có thị trường xuất khẩu

2

Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ: được cung cấp từ địa bàn cấp tỉnh nơi đầu tư sản xuất, chiếm trên 50% tổng giá trị nguyên liệu, vật liệu

3

Sử dụng nhiều lao động (từ 50 lao động trở lên)

4

Các cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 111/2015/CP

5

Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu



QUY ĐỊNH CHUNG



MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

1. Chi hỗ trợ **thành lập doanh nghiệp** sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 10 triệu đồng /doanh nghiệp**

KCĐP: Mức hỗ trợ **không quá 7 triệu đồng /doanh nghiệp**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

2. Chi hỗ trợ xây dựng **mô hình trình diễn kỹ thuật** để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Mức **hỗ trợ tối đa 30% chi phí**

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 01 tỷ đồng/mô hình**

KCĐP: Mức hỗ trợ **không quá 700 triệu đồng/mô hình**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

3. Chi hỗ trợ mô hình của các cơ sở CNNT đang hoạt động có hiệu quả cần **phổ biến tuyên truyền, nhân rộng** để các tổ chức, cá nhân khác học tập

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 100 triệu đồng/mô hình**

KCĐP: Mức hỗ trợ **không quá 70 triệu đồng/mô hình**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

4. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình **thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn** trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp. Mức **hỗ trợ tối đa 30% chi phí**

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 500 triệu đồng/mô hình**

KCĐP: Mức hỗ trợ **không quá 350 triệu đồng/mô hình**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

5. Chi hỗ trợ ứng dụng **máy móc thiết bị tiên tiến**, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức **hỗ trợ tối đa 50% chi phí**

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 300 triệu đồng/cơ sở**

KCĐP: Mức hỗ trợ **không quá 200 triệu đồng/cơ sở**



Ví dụ: Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất bàn ghế wicker xuất khẩu

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

6. Chi hỗ trợ **dây chuyền công nghệ** thì mức hỗ trợ tối đa **không quá 1,5 lần** mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 450 triệu đồng/cơ sở**

KCĐP: Mức hỗ trợ **không quá 300 triệu đồng/cơ sở**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

7. Chi hỗ trợ **xây dựng và đăng ký nhãn hiệu** đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu**

KCĐP: Mức hỗ trợ **không quá 25 triệu đồng/nhãn hiệu**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

8. Chi hỗ trợ **thuê tư vấn, trợ giúp** các cơ sở trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ **tối đa 50% chi phí**

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 35 triệu đồng/cơ sở**

KCDP: Mức hỗ trợ **không quá 25 triệu đồng/cơ sở**

220mm



Ví dụ: Hỗ trợ thuê tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói bún tươi



Ví dụ: Hỗ trợ thuê tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói trà nụ hoa hòe

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

9. Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ **tối đa 50% chi phí**

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 150 triệu đồng/cụm liên kết**

KCĐP: Mức hỗ trợ **không quá 100 triệu đồng/cụm liên kết**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

10. Chi hỗ trợ **lãi suất vốn vay** cho các cơ sở CNNT gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, CCN. Mức hỗ trợ **tối đa 50% lãi suất trong 02 năm đầu**

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 500 triệu đồng/cơ sở**

KCĐP: Mức hỗ trợ **không quá 350 triệu đồng/cơ sở**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

11. Chi hỗ trợ **sửa chữa, nâng cấp** hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ **tối đa 30% chi phí**

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 300 triệu đồng/cơ sở**

KCĐP: Mức hỗ trợ **không quá 200 triệu đồng/cơ sở**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

12. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ **tối đa 30% chi phí**

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 1,5 tỷ đồng/CCN**

KCĐP: **không hỗ trợ nội dung này**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

13. Chi hỗ trợ **lập quy hoạch chi tiết** cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ **tối đa 50% chi phí**

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 500 triệu đồng/CCN**

KCĐP: **không hỗ trợ nội dung này**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

13. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 6 tỷ đồng/CCN**

KCĐP: **không hỗ trợ nội dung này**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

14. Chi **thù lao cho Cộng tác viên** khuyến công

KCQG: Mức hỗ trợ **không quá 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng**

KCDP: Mức hỗ trợ **không quá 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng**

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

15. Chi hỗ trợ các **phòng trưng bày** để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

KCQG: Có SP cấp QG, mức hỗ trợ **không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày**

- Có SP cấp KV, mức hỗ trợ **không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày**

KCĐP: Có SP cấp tỉnh, mức hỗ trợ **không quá 35 triệu đồng/phòng trưng bày**



Ví dụ: Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm Rượu Bà Đá



Ví dụ: Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm mây tre đan

Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công

16. Chi hỗ trợ các cơ sở **tham gia hội chợ, triển lãm** trong nước

KCQG: Mức hỗ trợ **80% giá thuê gian hàng**

KCĐP: Không hỗ trợ nội dung này mà thực hiện hỗ trợ từ chương trình xúc tiến thương mại địa phương



QUY ĐỊNH CHUNG

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG



B1

- SCT có Văn bản hướng dẫn UBND cấp xã đăng ký kế hoạch khuyến công

B2

- UBND cấp xã gửi đăng ký kế hoạch khuyến công về gửi SCT chậm nhất đến ngày 15 tháng 6 hàng năm.

B3

- SCT tổng hợp, đăng ký kế hoạch KQCG về Cục ĐMST, CĐX và Khuyến công.
- SCT tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước và gửi STC tổng hợp.

B4

- SCT thẩm định cấp cơ sở các đề án và gửi Cục ĐMST, CĐX và Khuyến công thẩm định cấp Bộ, trình Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch KCQG.
- SCT thẩm định các đề án, nhiệm vụ phù hợp với dự toán và trình UBND tỉnh xem phê duyệt kế hoạch KCĐP.

B5

- SCT tổ chức triển khai các đề án khuyến công sau khi được phê duyệt



QUY ĐỊNH CHUNG

THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG



Nội dung thẩm định đề án khuyến công

- 1 **Mức độ phù hợp của đề án với các nguyên tắc lập đề án**
- 2 **Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác**
- 3 **Năng lực của đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng**
- 4 **Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác**
- 5 **Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án**

A large, faint green recycling symbol (three arrows in a triangle) is centered in the background.

**Xin trân trọng
cảm ơn!**

